

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NAM TRỰC
TỈNH NAM ĐỊNH**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **07/2024**/HNGĐ-ST

Ngày: 23-01-2025

Về việc ly hôn giữa ông Đỗ Thanh H và bà
Nguyễn Thị L.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM TRỰC, TỈNH NAM ĐỊNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Xuân Thọ.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Văn Hà;
- Ông Lưu Xuân Tiến.

Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Nguyệt – Kiểm sát viên.

Ngày **23 tháng 01** năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 191/2024/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2024 về việc “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 116/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Đỗ Thanh H, sinh năm 1971

Địa chỉ: Xóm F, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1969

Địa chỉ: Xóm F, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

(Tại phiên tòa, ông H và bà L vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20 tháng 11 năm 2024 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn ông Đỗ Thanh H trình bày: Ông và bà Nguyễn Thị L đã tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện N, tỉnh Nam Định vào 1992. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm, tính cách và suy nghĩ. Bà L thường mong muốn tu tâm một lòng theo Phật pháp nên tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, bà L không còn quan tâm, tha thiết đời sống chung vợ chồng và thường bỏ mặc gia đình. Ông và các con mong muốn bà L thay đổi trở lại bình thường và quan tâm đến hạnh phúc gia đình, cá nhân nhưng cho đến nay bà L vẫn không thay

đôi gì, vợ chồng mặc dù ở cùng nhau nhưng chẳng khác gì ly thân, vì vậy ông khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho ông ly hôn bà Nguyễn Thị L.

Về con chung: Ông và bà Nguyễn Thị L có 02 con chung là Đỗ Huy H1 sinh năm 1995 và Đỗ Thành T sinh năm 1993 đều đã trưởng thành và tự lập được nên ông không yêu cầu giải quyết về nuôi con khi ly hôn. Về tài sản, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết về chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn.

Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án đã thực hiện tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho bị đơn là bà Nguyễn Thị L nhưng bà L không đến làm việc với Tòa án và không có văn bản trình bày quan điểm của mình về việc giải quyết vụ án gửi Tòa án xem xét.

Tại phiên tòa, ông Đỗ Thanh H vắng mặt và đã có đơn xin giải quyết vắng mặt; bà Nguyễn Thị L vắng mặt không có lý do.

Kết quả thu thập chứng cứ của Tòa án đối với đại diện UBND xã N thể hiện: Ông Đỗ Thanh H và bà Nguyễn Thị L đã đăng ký kết hôn, hiện trạng hôn nhân, con chung đúng như ông H trình bày. Hiện nay bà Nguyễn Thị L vẫn có hộ khẩu thường trú tại địa phương nhưng đi làm ăn xa không rõ thời điểm trở về, vì vậy việc Tòa án thực hiện tổng đạt trực tiếp văn bản tố tụng của Tòa án cho bà L nhận là không thể thực hiện được.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn xin giải quyết vắng mặt, bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vụ án vắng mặt các đương sự là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho ly hôn giữa ông Đỗ Thanh H và bà Nguyễn Thị L.

Về con chung: Ông Đỗ Thanh H và bà Nguyễn Thị L có hai con chung là Đỗ Huy H1 sinh năm 1995 và Đỗ Thành T sinh năm 1993 đều đã trưởng thành và tự lập được nên không đặt ra xem xét về việc nuôi con chung khi ly hôn.

Về tài sản: Ông Đỗ Thanh H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét. Nếu sau này ông H và bà L có yêu cầu thì Tòa án giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

Về án phí dân sự sơ t hẩm: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/NQ-UBNVQH/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Buộc ông Đỗ Thanh H phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn. Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn có đơn xin giải quyết vắng mặt, bị đơn hiện nay vẫn có hộ khẩu thường trú tại xã N, huyện N, tỉnh Nam Định nhưng đi làm ăn xa không rõ thời điểm trở về. Tòa án đã thực hiện việc niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định tại Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng bà Nguyễn Thị L vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về việc kết hôn: Ông Đỗ Thanh H và bà Nguyễn Thị L có đăng ký kết hôn tại UBND N, huyện N, tỉnh Nam Định vào năm 1992 nên đây là hôn nhân hợp pháp.

[3] Quá trình chung sống: Vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm, tính cách không hợp, tình cảm lạnh nhạt, không quan tâm động viên, chia sẻ với nhau trong cuộc sống. Quá trình tiến hành tố tụng, bà Nguyễn Thị L không đến làm việc với Tòa án, không có văn bản trình bày quan điểm của mình về việc ông Đỗ Thanh H khởi kiện xin ly hôn bà gửi Tòa án xem xét, chứng tỏ bà L đã có ý thức bỏ mặc hôn nhân, không còn tha thiết tìm mọi biện pháp níu kéo đoàn tụ, nếu có duy trì thì mục đích hôn nhân cũng không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của ông Đỗ Thanh H về việc xin ly hôn bà Nguyễn Thị L là phù hợp quy định tại Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Ông Đỗ Thanh H và bà Nguyễn Thị L có hai con chung là Đỗ Thành T sinh năm 1993 và Đỗ Huy H1 sinh năm 1995 đều đã trưởng thành và tự lập được nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét về việc nuôi con chung khi ly hôn.

[5] Về tài sản: Ông Đỗ Thanh H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét. Nếu sau này ông H và bà L có yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung thì Tòa án giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

[6] Về án phí: Ông Đỗ Thanh H phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; điểm b, khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Thanh H. Xử cho ly hôn giữa ông Đỗ Thanh H và bà Nguyễn Thị L.

2. *Về án phí:* Ông Đỗ Thanh H phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn, được đối trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Nam Trực theo biên lai thu số 0005222 ngày 20 tháng 11 năm 2024.

3. *Về quyền kháng cáo:* Ông Đỗ Thanh H, bà Nguyễn Thị L có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện Nam Trực;
- Chi cục THADS huyện Nam Trực;
- UBND xã Nam Tiến;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Xuân Thọ

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Hà

Lưu Xuân Tiến

Bùi Xuân Thọ

